

THÔNG BÁO

Báo cáo quyết toán kinh phí ngân sách năm 2023 và các khoản thu năm học 2023-2024

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác		
1.7	Số dư cuối năm		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) <i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
2.1		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu		
2.1.3	Tổng số thu trong năm		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
2.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
2.1.7	Số dư cuối năm		
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)		
3.1		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
3.1.5	Số chi trong năm		
	Trong đó: -		
3.1.6	Số dư cuối năm		
4	Dịch vụ: Trưng giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
4.1.	Dịch vụ trưng xe		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.1.2	Mức thu : 15.000đ/tháng	15.000	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	39.855.000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	39.855.000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	39.855.000	
4.1.6	Số chi trong năm	39.855.000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	31.884.000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	3.985.500	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	3.985.500	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác: phí chuyển tiền		
4.1.7	Số dư cuối năm	0	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.1.2	Mức thu /tiết/học sinh	9.000	
5.1.3	Tổng số thu trong năm học 2023-2024	156.825.000	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học 2023-2024	156.825.000	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	156.825.000	
5.1.6	Số chi trong năm học 2023-2024	156.825.000	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng giảng dạy với Công ty CP Phát Triển Giáo Dục GLOBALEDU Việt Nam.	125.460.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	5.655.775	
	-Chi nộp thuế TNDN (2%)	627.300	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	19.603.125	
	- Chi phúc lợi	5.393.000	
	- Chi khác: phí chuyển tiền	85.800	
5.1.7	Số dư cuối năm học 2023-2024	0	
5.2	Học kỹ năng sống		
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.2.2	Mức thu /tiết/học sinh	9.000	
5.2.3	Tổng số thu trong năm học 2023-2024	156.825.000	
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học 2023-2024	156.825.000	
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	156.825.000	
5.2.6	Số chi trong năm học 2023-2024	156.825.000	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng giảng dạy với Công ty TNHH Giáo Dục và Đào Tạo Phát Triển Kỹ Năng Ánh Dương.	125.460.000	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	5.654.175	
	- Chi nộp thuế TNDN (2%)	627.300	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	19.603.125	
	- Chi phúc lợi	5.355.000	
	- Chi khác: phí chuyển tiền	125.400	
5.2.7	Số dư cuối năm học 2023-2024	0	
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
6.1	Quỹ Vòng tay bè bạn		
6.1.1	Số dư đầu kì	1.368	
6.1.2	Số học sinh 592		
6.1.3	Mức thu : Thu gom phế liệu, giấy vụn, vỏ lon bia....	21.312.000	
6.1.4	Tổng thu năm học 2023-2024	21.312.000	
6.1.5	Đã chi năm học 2023-2024	21.313.000	
6.1.6	Dư	368	
6.2	Quản lý học sinh ngoài giờ		
6.2.1	Số học sinh 592		
6.2.2	Mức thu : Kì I 7.000đ/tiết; Kì II: 10.000đ/tiết/HS		
6.2.3	Tổng thu năm học 2023-2024	638.470.000	
6.2.4	Đã chi năm học 2023-2024	638.470.000	
6.2.5	Dư	0	
6.3	Hỗ trợ CSVC điện nước 2 buổi/ngày		
6.3.1	Số học sinh 592		
6.3.2	Mức thu : 30.000đ/tháng	30.000	
6.3.3	Tổng thu năm học 2023-2024	30.000	
6.3.4	Đã chi năm học 2023-2024	156.300.000	
6.3.5	Dư	156.300.000	
6.4	Kinh phí nước uống học sinh		
6.4.1	Số học sinh 592		
6.4.2	Mức thu : 10.000đ/HS/tháng		
6.4.3	Tổng thu năm học 2023-2024	50.320.000	
6.4.4	Đã chi năm học 2023-2024	50.320.000	
6.4.5	Dư	0	
6.5	Kinh phí ăn bán trú		
6.5.1	Số học sinh: 236		
6.5.2	Mức thu : 20.000đ/suất		
6.5.3	Tổng thu năm học 2023-2024	727.480.000	
6.5.4	Đã chi năm học 2023-2024	727.480.000	
6.5.5	Dư	0	
6.6	Kinh phí chăm sóc bán trú		
6.6.1	Số dư đầu kì	770	
6.6.2	Số học sinh: 236		
6.6.3	Mức thu : 100.000đ/học sinh/tháng		
6.6.4	Tổng thu năm học 2023-2024	197.710.300	
6.6.5	Đã chi năm học 2023-2024	197.710.489	

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
6.6.6	Dư	581	
6.7	Kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất bán trú		
6.7.1	Số học sinh: 52		
6.7.2	Mức thu : 200.000đ		
6.7.3	Tổng thu năm học 2023-2024	10.400.000	
6.7.4	Đã chi năm học 2023-2024	10.400.000	
6.7.5	Dư	0	
6.8	Kinh phí BHYT học sinh		
6.8.1	Số học sinh: 564 HS		
6.8.2	Mức thu : Theo công văn số 220/BHXH-BPT ngày 03/08/2023 về mức thu BHYT học sinh.		
6.8.3	Tổng thu năm học 2023-2024	395.992.280	
6.8.4	Đã chi năm học 2023-2024	395.992.280	
6.8.5	Dư	0	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
1	Ngân sách nhà nước	7.533.974.644	
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	7.118.424.644	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm	7.118.424.644	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	5.343.130.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	1.940.519.644	
	+ Kinh phí giảm trong năm	165.225.000	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	7.118.424.644	
	- Kinh phí quyết toán	7.118.424.644	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận	0	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	415.550.00	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm	415.550.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	415.550.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	0	
	+ Kinh phí giảm trong năm	0	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	0	
	- Kinh phí quyết toán	415.550.000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận	0	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí còn phải nộp	0	
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: Chi tiết từng nguồn)		

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	190.437.268	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	140.420.548	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	111.099.300	
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	176.227.416	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	119.782.565	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	51.610.230	
IV	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)		

Vĩnh Tiến, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)



Phạm Thị Vân Anh

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Hợi

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
-----------	-----------------	----------------	--------------